

Số: 21 /2026/NQ-HĐND

An Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí
hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15
Nghị định số 112/2024/NĐ-CP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về
việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về
đất trồng lúa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định
số 33/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong
lĩnh vực đất đai;*

*Xét Tờ trình số 504/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức
hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2
Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân
dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi,
định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại
khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Nguyên tắc và phạm vi hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

Bảo đảm công khai, công bằng, đúng quy định pháp luật, không chồng chéo, trùng lặp và có hiệu quả.

Kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa được phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, hỗ trợ các địa phương sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa, tăng hiệu quả sản xuất lúa tại địa phương.

2. Phạm vi hỗ trợ

Hỗ trợ thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Định mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa

a) Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Hỗ trợ thực hiện công tác quản lý; tăng hiệu quả sử dụng, bảo vệ đất trồng lúa; sản xuất lúa

a) Hỗ trợ 100% kinh phí đối với các hoạt động sau:

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa.

- Đánh giá tính chất lý, hoá học; xây dựng bản đồ nông hoá thổ nhưỡng vùng chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần.

- Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn cấp xã.

b) Hỗ trợ 50% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ theo quy định pháp luật.

Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa phân bổ cho ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã), như sau:

1. Phân bổ cho cấp tỉnh 10% tổng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Đánh giá tính chất lý, hoá học; xây dựng bản đồ nông hoá thổ nhưỡng vùng chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;

c) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, phường thuộc cấp tỉnh quản lý hoặc do xã, phường đề xuất đối với công trình thuộc xã, phường quản lý.

2. Phân bổ cho các xã, phường 90% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa (được quy đổi thành 100%) để thực hiện các nội dung sau:

a) Sử dụng 50% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ cho các nội dung sau:

- Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa.

- Mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

b) Phần kinh phí còn lại sử dụng cho việc sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 7 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026. nll

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật
- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, nthmai.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhân